TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST - DS	*Bình Xuyên, ngày 29 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự, thụ lý số 30/2023/TLST - DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981.

Cư trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phùng Văn S, sinh năm 1961; Cư trú tại: Số 03, Quách Gia N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 03 năm 2023).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 19 tháng 5 năm 2023 anh Nguyễn Tuấn T còn nợ của anh Nguyễn Văn H nợ gốc là 365.000.000 đồng, *(Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Anh Nguyễn Tuấn T có trách nhiệm trả nợ cho anh Nguyễn Văn H theo các kỳ hạn như sau:

Ngày 23 tháng 7 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả là 365.000.000 đồng, cho đến ngày 23 tháng 7 năm 2023. Mức lãi suất 0,95%/tháng của số tiền chưa trả, được tính từ ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả

Ngày 23 tháng 9 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 03 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 04 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 05 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 06 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 07 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 08 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả là.

Ngày 23 tháng 09 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 11 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 02 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 03 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 04 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 06 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 08 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 09 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 11 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 03 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 04 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 06 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 07 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 08 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 09 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 11 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 03 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 04 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 05 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 06 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 07 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 08 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 09 năm 2026 trả 7.000.000 đồng và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Ngày 23 tháng 10 năm 2026 trả 8.000.000 đồng gốc còn lại và lãi suất là 0,95%/tháng của số nợ gốc chưa trả.

Trong các kỳ hạn như trên, nếu anh Nguyễn Tuấn T vi phạm bất kỳ, kỳ hạn trả nợ nào thì anh Nguyễn Văn H có quyền đề nghị thi hành án toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại mà không cần đến kỳ hạn tiếp theo.

Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn T chịu cả 9.125.000 đồng *(Chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000026, ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Tám